

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HS-ST  
Ngày: 02 - 7 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Huy Giáp và bà Đào Thị Giang.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2020/TLST-HS ngày 04/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXHS-ST ngày 19/6/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thanh V (tên gọi khác: Quẹo)**, sinh năm 1999, tại Kiên Giang. Trú tại: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 01/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Đạo Phật. Con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1975 và bà Bùi Kim L (tên gọi khác: Bùi Thị Kim L), sinh năm: 1981. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ ngày 23/3/2020 (có mặt).

**\* Bị hại:** Ông Vũ Quốc T1, sinh năm 1972.

Trú tại: 23B/10, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

**\* Người làm chứng:**

- Anh Lê Văn T2 (vắng mặt).
- Anh Trần Văn C (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Đức T3 (vắng mặt).
- Anh Bùi Công S (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh V là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 01 giờ ngày 21/3/2020, V đi bộ từ khu vực tượng đài Đức mẹ về phòng trọ của V thuê ở ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khi đi qua khu vực lò mổ bò của ông Vũ Quốc T1, sinh năm 1972, trú tại ấp N, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì V phát hiện khu vực lò mổ của ông T1 không có cửa cổng, bên trong sân có dựng xe mô tô biển số 60B1-198.40 của ông T1. V quan sát thấy không có người trông coi xe nên V nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của ông T1 để bán lấy tiền tiêu xài. V đi bộ lại gần xe mô tô biển số 60B1-198.40 phát hiện trên xe có cắm sẵn chìa khóa xe, lúc này V đẩy bộ xe mô tô ra ngoài đường khoảng 30 mét rồi mở khóa điều khiển xe chạy về hướng thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để tìm chỗ bán xe nhưng không được. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, V điều khiển xe mô tô biển số 60B1.198.40 chạy về hướng cây xăng Lộ Đức thuộc ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khi đi tới khu vực Đài Đức Mẹ 2 thuộc khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì V gặp anh Trần Văn C, sinh năm 1988, trú tại ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (anh C là hàng xóm của ông T1 và trước đó ông T1 có nói cho anh C biết việc ông T1 bị mất trộm xe), anh C thấy V đang điều khiển xe mô tô của ông T1 nên đuổi theo V nhưng không đuổi kịp. Sau đó, V điều khiển xe mô tô biển số 60B1-198.40 tới phòng trọ của một người bạn tên H (không rõ nhân thân lai lịch) xin ngủ nhờ nhưng H không đồng ý. H cùng với đối tượng tên X (không rõ nhân thân lai lịch) dẫn V tới phòng trọ của Lê Văn T2, sinh năm 1985, trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Tùng thuê phòng trọ tại khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), H xin T2 cho V ngủ nhờ thì được T2 đồng ý. Đến khoảng 9 giờ ngày 22/3/2020, trong lúc ngồi nói chuyện tại phòng trọ thì V nói cho T2 biết xe mô tô biển số 60B1-198.40 là do V trộm cắp mà có thì T2 nói V đi về. Khi V đẩy xe mô tô biển số 60B1-198.40 để ra về thì T2 nhờ V chở T2 đến phòng trọ của Bùi Công S, sinh năm 1996, trú tại xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (S thuê phòng trọ tại khu phố 7, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai). Tại phòng trọ của S thì V không nói cho S biết nguồn gốc xe mô tô biển số 60B1-198.40 là do V trộm cắp mà có. Ngồi chơi tại phòng trọ của Sơn được một lúc thì V và T2 đi về, khi đi ra được một đoạn thì V quay lại gặp Sơn nhờ bán giùm xe mô tô biển số 60B1-198.40 nhưng S nói không biết và chỉ một đám người đang ngồi chơi gần phòng trọ của Sơn nói ra đó mà hỏi thì V đi lại gặp một người tên T4 (không rõ nhân thân, lai lịch) bán xe mô tô biển số 60B1-198.40 cho T4 với giá 1.600.000 đồng, sau đó V và T2 bắt xe bus đi về. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, V bị Công an xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom bắt giữ và giao cho Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: 01 xe mô tô biển số 60B1-198.40 đã qua sử dụng có trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Vật chứng thu giữ: Số tiền 960.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 60B1-198.40 bị cáo V đã bán cho đối tượng tên T4 (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom không thu hồi được.

Về dân sự: Ông Vũ Quốc T1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh V phải bồi thường cho ông T1 số tiền 10.000.000 đồng là giá trị xe mô tô biển số 60B1-198.40.

Tại bản cáo trạng số 164 - CT/VKS-TB ngày 02/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V từ 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về vật chứng: Đối với số tiền 960.000 đồng bị cáo V khai nhận là tiền do bị cáo bán xe mô tô biển số 60B1-198.40 có được nên đề nghị Tòa án trả lại cho ông Vũ Quốc T1.

- Về dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông T1 số tiền còn lại là 9.040.000 đồng (chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi của Lê Văn T2: T2 biết rõ nguồn gốc xe mô tô biển số 60B1-198.40 do bị cáo V phạm tội mà có nhưng T2 không tham gia bán xe mô tô biển số 60B1-198.40 nên không có căn cứ để xử lý đối với Lê Văn T2.

- Đối với hành vi của Bùi Công S: S không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 60B1-198.40 do bị cáo V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với các đối tượng tên H, T4 và X, do không xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo V không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 01 giờ ngày 21/3/2020, tại khu vực lò mổ bò của ông Vũ Quốc T1 ở ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thanh V đã có

hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 60B1-198.40 đã qua sử dụng của ông T1 có trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thanh V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ngoài ra còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân và đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về vật chứng: Giao trả số tiền 960.000 đồng cho ông Vũ Quốc T1.

[5] Về dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông Vũ Quốc T1 số tiền còn lại là 9.040.000 đồng (chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với hành vi của Lê Văn T2: T2 biết rõ nguồn gốc xe mô tô biển số 60B1-198.40 do bị cáo V phạm tội mà có nhưng T2 không tham gia bán xe mô tô biển số 60B1-198.40 nên không có căn cứ để xử lý đối với Lê Văn T2.

[8] Đối với hành vi của Bùi Công S: S không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 60B1-198.40 do bị cáo V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với các đối tượng tên H, T và X, do không xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2020.

**2.** Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Giao trả số tiền 960.000 đồng cho ông Vũ Quốc T1.

(Toàn bộ số tiền nêu trên được bàn giao theo biên lai thu tiền số 1687 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh V phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Vũ Quốc T1 số tiền 9.040.000 đồng (chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Vũ Quốc T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thanh V chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 452.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

**4.** Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Tâm**

Mẫu 27-HS

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên**